

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2024

V/v tranh chấp: “ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Tiến và bà Đỗ Thị Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐ-ST ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Nguyễn Minh S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc. Chị T nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi mà có lần còn chửi mắng chị T. Sự việc diễn ra nhiều lần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung. Không thể chịu được cuộc sống vợ chồng như vậy nên chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở xã A, thành phố T sinh sống. Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, cả hai

không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung với anh S được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh S.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim S1, sinh ngày 19/7/2013; Hiện cháu S1 do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S1; chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được TAND huyện Tuy An triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh S; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim S1, sinh ngày 19/7/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện anh Nguyễn Minh S trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Minh S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/9/2013 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh S không còn chung sống từ tháng 9/2019 đến nay. Chị T xác định hiện nay không còn tình cảm với anh S, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị T kiên quyết ly hôn với anh S. Quá trình giải quyết vụ án anh S được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện sự thiếu trách nhiệm với gia đình. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh S là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: chị T và anh S có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim S1, sinh ngày 19/7/2013, cháu S1 đang sống cùng chị T, tình cảm mẹ con gắn bó, cháu S1 có nguyện vọng sống cùng chị T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu S1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim S1, sinh ngày 19/7/2013 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000034 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Diễm Huyền**